TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Luân

2. Ông Nguyễn Thái Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Thanh B, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Lê Thanh B trình bày:

Anh và chị G bắt đầu tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, ngày cưới có cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn vì vợ chồng đã bán để chi phí trong gia đình. Anh chị có 01 con chung tên Lê Nguyễn Minh Sang, sinh ngày 24/01/2010, đang sống chung với chị G cách đây khoảng hai tuần. Trong thời gian chung sống anh chị không tạo lập được tài sản chung gì cũng không nợ ai.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do chị G quan hệ bất chính với người khác, mặc dù anh không có chứng cứ nhưng người đàn ông đó trực tiếp đến nhà nói cho anh biết việc hai người quen biết qua lại với nhau. Anh rất buồn và thất vọng, gia đình anh cảm thấy xấu hổ nên cha mẹ ruột anh không đồng ý cho chị G ở chung nhà nữa và chị G về nhà mẹ ruột ở từ năm 2012 cho đến nay còn con thì anh trực tiếp nuôi dưỡng. Khi chị G bỏ đi được khoảng 01 tháng do buồn suy nghĩ nhiều nên bị bệnh tai biến nhẹ. Thời gian ly thân cả hai không gặp nhau bàn bạc hàn gắn gia đình, không ai quan tâm đến ai. Do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh đồng ý cho chị G được quyền nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, khi nào đến thăm có tiền bao nhiêu anh cho bấy nhiêu, vì hiện tại anh đi bán vé số thu nhập thấp và không ổn định.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Ngọc G trình bày: Chị thống nhất ý kiến anh B. Riêng nguyên nhân mâu thuẫn thì không đúng, chị không quan hệ bất chính với ai mà do anh B vu khống. Trong thời gian chung sống do anh B nghe lời cha mẹ mà không quan tâm đến những gì chị nói nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, có thời gian anh B và chị bỏ ra ngoài thuê nhà trọ ở được 02 tháng thì anh B về nhà mẹ ruột ở bỏ chị sống một mình nên chị cũng về nhà mẹ ruột ở từ năm 2013 cho đến nay, trong thời gian đó con sống với anh B, cách đây khoảng hơn hai tuần chị đón con về sống chung với chị. Anh B yêu cầu ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, anh B có cấp dưỡng hay không tùy anh, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh B và chị G; con chung, giao cho chị G được quyền nuôi dưỡng, giáo dục, anh B không cấp dưỡng nuôi con; tài sản và nợ chung, anh B và chị G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Thanh B và chị Nguyễn Ngọc G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh B và chị G tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Anh B có yêu cầu ly hôn và chị G cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, do anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định

tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh B và chị G.

[3] Về con chung: Anh B và chị G thống nhất, chị G được quyền nuôi con tên Lê Nguyễn Minh Sang, sinh ngày 24/01/2010 và nguyện vọng của cháu Sang được sống với chị G. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cháu Sang cho chị G được quyền nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, anh B và chị G tự thỏa thuận và chị G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh B và chị G không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh B phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, 53, 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Thanh B với chị Nguyễn Ngọc G.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc G được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tên Lê Nguyễn Minh Sang, sinh ngày 24/01/2010. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh B và chị G tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh B và chị G không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009352 ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận anh B đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui